



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÉP DỖ VÀ DỊCH VỤ
CẢNG SÀI GÒN**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2021



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2-3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4-5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6-7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10-30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2021 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Hóa	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 12/11/2021
Ông Đào Quyết Tiến	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 12/11/2021
Ông Đào Quyết Tiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/11/2021
Ông Lê Văn Hóa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 12/11/2021
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên	
Ông Lê Minh Cường	Thành viên	
Ông Phan Minh Trí	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Minh Trí	Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Út	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Công Dân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Khánh Lâm	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Ngọc Tâm	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Viết Thịnh	Thành viên BKS
Ông Vũ Thành Trung	Thành viên BKS

Kế toán trưởng

Bà Hồ Thị Thanh Thanh

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phan Minh Trí
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2022



Số: 139/2022/UHY - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Kính gửi: Các **Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 03 năm 2022 trình bày từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Minh Long

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0666-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2022

Lê Quang Nghĩa

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 3660-2021-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B01-DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		75.961.485.038	72.844.794.296
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	23.090.619.209	16.670.368.695
Tiền	111		14.590.619.209	9.670.368.695
Các khoản tương đương tiền	112		8.500.000.000	7.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	36.521.000.000	30.318.550.685
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		36.521.000.000	30.318.550.685
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.911.977.590	24.975.267.374
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	19.140.653.895	30.087.471.180
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		267.190.000	319.163.900
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	840.097.149	2.145.368.451
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(4.335.963.454)	(7.576.736.157)
Hàng tồn kho	140	8	263.710.686	410.404.957
Hàng tồn kho	141		263.710.686	410.404.957
Tài sản ngắn hạn khác	150		174.177.553	470.202.585
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	170.598.333
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		174.177.553	299.604.252
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.290.725.444	14.034.396.716
Các khoản phải thu dài hạn	210		32.576.300	113.077.764
Phải thu dài hạn khác	216	7	32.576.300	113.077.764
Tài sản cố định	220		8.138.149.144	12.801.318.952
Tài sản cố định hữu hình	221	9	8.100.149.155	12.725.318.959
- Nguyên giá	222		62.563.686.251	62.344.686.251
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(54.463.537.096)	(49.619.367.292)
Tài sản cố định vô hình	227	10	37.999.989	75.999.993
- Nguyên giá	228		579.572.000	579.572.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(541.572.011)	(503.572.007)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	1.120.000.000	1.120.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		300.000.000	300.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		820.000.000	820.000.000
TỔNG TÀI SẢN	270		85.252.210.482	86.879.191.012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B01-DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		12.874.632.465	17.377.149.164
Nợ ngắn hạn	310		12.841.962.465	17.344.479.164
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	6.269.776.414	11.984.845.476
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		700.000	1.610.891.325
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	510.117.517	448.583.090
Phải trả người lao động	314		5.149.896.162	1.837.744.824
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		6.996.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	13	215.428.206	462.100.158
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		689.048.166	1.000.314.291
Nợ dài hạn	330		32.670.000	32.670.000
Phải trả dài hạn khác	337	13	32.670.000	32.670.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		72.377.578.017	69.502.041.848
Vốn chủ sở hữu	410	14	72.377.578.017	69.502.041.848
Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.500.000.000	40.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.500.000.000	40.500.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(609.600.000)	(609.600.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.214.111.883	3.192.308.333
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29.273.066.134	26.419.333.515
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		23.182.301.090	25.874.244.761
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		6.090.765.044	545.088.754
TỔNG NGUỒN VỐN	440		85.252.210.482	86.879.191.012



Phan Minh Trí
Tổng Giám đốc
TP Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2022

Hồ Thị Thanh Thanh
Kế toán trưởng

Hồ Thị Thanh Thanh
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B02-DN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	105.746.319.527	86.461.682.920
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		105.746.319.527	86.461.682.920
Giá vốn hàng bán	11	16	93.845.926.873	77.389.529.370
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.900.392.654	9.072.153.550
Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	1.848.352.160	2.247.528.547
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	18	6.223.688.159	12.718.985.861
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.525.056.655	(1.399.303.764)
Thu nhập khác	31	19	5.240.215.217	2.048.143.078
Chi phí khác	32	20	5.568.345.711	1.121.556
Lợi nhuận khác	40		(328.130.494)	2.047.021.522
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.196.926.161	647.717.758
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	1.106.161.117	102.629.004
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.090.765.044	545.088.754
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	1.542	124
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	23	1.542	124



Phan Minh Trí
Tổng Giám đốc
TP Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2022

Hồ Thị Thanh Thanh
Kế toán trưởng

Hồ Thị Thanh Thanh
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B03-DN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		119.298.534.462	95.302.591.451
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(72.311.046.574)	(64.758.305.871)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(22.163.396.969)	(16.833.217.258)
Tiền lãi vay đã trả	4		-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(980.734.418)	(182.354.949)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		4.003.001.872	839.119.944
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(13.509.445.923)	(11.445.871.775)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		14.336.912.450	2.921.961.542
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(219.000.000)	(2.424.563.440)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.171.417.003
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(11.721.000.000)	(7.318.550.685)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.518.550.685	6.500.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.727.257.379	2.436.722.328
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.694.191.936)	365.025.206
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.222.470.000)	(3.667.085.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.222.470.000)	(3.667.085.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		6.420.250.514	(380.098.252)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	16.670.368.695	17.050.466.947
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	23.090.619.209	16.670.368.695



Phan Minh Trí
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2022

Hồ Thị Thanh Thanh
Kế toán trưởng

Hồ Thị Thanh Thanh
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Mẫu số B09-DN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0310346174, do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/09/2010 với mức Vốn điều lệ là 40.500.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ năm trăm triệu đồng). Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 28/06/2017.

Địa chỉ trụ sở chính: 242 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP Hồ Chí Minh

Ngày 11/08/2016, Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ cảng Sài Gòn được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu ký số 80/2016/GCNCP-VSD, với tổng số lượng chứng khoán đăng ký là 4.050.000 cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu và cấp mã chứng khoán cho Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ cảng Sài Gòn là SAC.

Số lượng nhân viên của Công ty đến ngày 31/12/2021 là 217 cán bộ công nhân viên đang làm việc (Tại ngày 31/12/2020 là 166 người).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

- Bốc xếp hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan, dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Dịch vụ logistics;
- Dịch vụ đóng gói;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác, dịch vụ vệ sinh tàu biển;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí. Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác;
- Bán và cho thuê thiết bị.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán Doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 31
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Thiết bị văn phòng	03
Phương tiện vận tải	06

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

3.8 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có thực nhận các khoản lãi.

3.9 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Trong năm 2021, Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp theo quy định tại Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.10 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 BÊN LIÊN QUAN

- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm 2021 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	270.302.473	125.097.267
Tiền gửi không kỳ hạn	14.320.316.736	9.545.271.428
Các khoản tương đương tiền	8.500.000.000	7.000.000.000
	<u>23.090.619.209</u>	<u>16.670.368.695</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	36.521.000.000	36.521.000.000	30.318.550.685	-
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng và trên 3 tháng	36.521.000.000	36.521.000.000	30.318.550.685	-
Dài hạn	1.120.000.000	1.120.000.000	1.120.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	300.000.000	300.000.000	300.000.000	-
Công ty CP Dịch vụ Hàng Hải Tân Hưng Phúc	300.000.000	300.000.000	300.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	820.000.000	820.000.000	820.000.000	-
Công ty CP TMDV Vận tải Logistics Gai Gòn Bến Tre	200.000.000	200.000.000	200.000.000	-
Công ty CP Cảng Quy Nhơn	620.000.000	620.000.000	620.000.000	-
	37.641.000.000	37.641.000.000	31.438.550.685	31.438.550.685

CHUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	19.140.653.895	(4.335.963.454)	30.087.471.180	(7.576.736.157)
Công ty Nhiệt Điện Duyên Hải	6.117.056.449	(4.325.963.454)	10.403.991.222	(4.822.814.917)
CN Công ty CP Cảng Sài Gòn - Cảng Tân Thuận	4.846.812.028	-	4.091.425.490	-
CN Công ty CP Cảng Sài Gòn - Cảng Hiệp Phước	2.690.329.664	-	2.629.533.610	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	5.486.455.754	(10.000.000)	12.962.520.858	(2.753.921.240)
Dài hạn	-	-	-	-
	19.140.653.895	(4.335.963.454)	30.087.471.180	(7.576.736.157)
Phải thu khách hàng là bên liên quan	8.557.100.994	-	8.035.527.479	-
CN Công ty CP Cảng Sài Gòn - Cảng Tân Thuận	4.846.812.028	-	4.091.425.490	-
CN Công ty CP Cảng Sài Gòn - Cảng Hiệp Phước	2.690.329.664	-	2.629.533.610	-
Công Ty TNHH KOREA EXPRESS Cảng Sài Gòn	1.019.959.302	-	1.314.568.379	-

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	840.097.149	-	2.145.368.451	-
- Tạm ứng cho nhân viên	55.000.000	-	25.410.000	-
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	240.000.000	-	1.619.141.325	-
- Bảo hiểm nộp thừa	875.050	-	-	-
- Phải thu ngắn hạn khác	544.222.099	-	500.817.126	-
- <i>Lãi dự thu</i>	532.925.735	-	411.837.534	-
- <i>Phải thu khác</i>	11.296.364	-	88.979.592	-
Dài hạn	32.576.300	-	113.077.764	-
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	32.576.300	-	113.077.764	-
Cộng	872.673.449	-	2.258.446.215	-

HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	48.784.547	-	62.148.848	-
Công cụ, dụng cụ	207.982.140	-	341.312.110	-
Hàng hóa	6.943.999	-	6.943.999	-
	263.710.686	-	410.404.957	-

ác thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dùng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2021	213.120.000	4.703.630.646	56.892.752.775	415.534.320	119.648.510	62.344.686.251
- Mua trong năm	-	-	178.796.490	40.203.510	-	219.000.000
- Phân loại lại tài sản	-	178.796.487	(1.874.283.045)	1.695.486.558	-	-
31/12/2021	213.120.000	4.882.427.133	55.197.266.220	2.151.224.388	119.648.510	62.563.686.251
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2021	(223.816.856)	(4.378.891.615)	(44.851.082.391)	(45.927.920)	(119.648.510)	(49.619.367.292)
- Khấu hao trong năm	(13.497.600)	(287.791.118)	(4.448.181.094)	(94.699.992)	-	(4.844.169.804)
- Phân loại lại tài sản	24.194.456	98.620.563	1.647.629.337	(1.770.444.356)	-	-
31/12/2021	(213.120.000)	(4.568.062.170)	(47.651.634.148)	(1.911.072.268)	(119.648.510)	(54.463.537.096)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2021	(10.696.856)	324.739.031	12.041.670.384	369.606.400	-	12.725.318.959
31/12/2021	-	314.364.963	7.545.632.072	240.152.120	-	8.100.149.155

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021: 34.776.684.717 đồng (Tại ngày 31/12/2020 số tiền là: 30.799.915.367 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2021	579.572.000	579.572.000
31/12/2021	<u>579.572.000</u>	<u>579.572.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2021	(503.572.007)	(503.572.007)
- Khấu hao trong năm	(38.000.004)	(38.000.004)
31/12/2021	<u>(541.572.011)</u>	<u>(541.572.011)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2021	<u>75.999.993</u>	<u>75.999.993</u>
31/12/2021	<u>37.999.989</u>	<u>37.999.989</u>

VA
62
WU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN XÉP DỠ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN
Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh

UYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán ngắn hạn	6.269.776.414	6.269.776.414	11.984.845.476	11.984.845.476
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải Tân Hưng Phúc	1.645.002.826	1.645.002.826	1.780.277.374	1.780.277.374
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xếp dỡ và Vận tải Quang Minh	1.442.530.845	1.442.530.845	1.455.094.135	1.455.094.135
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Lợi Việt Phong	1.383.116.462	1.383.116.462	1.727.199.923	1.727.199.923
- Phải trả người bán khác	1.799.126.281	1.799.126.281	7.022.274.044	7.022.274.044
Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
	6.269.776.414	6.269.776.414	11.984.845.476	11.984.845.476
Phải trả người bán là các bên liên quan	1.964.171.032	1.964.171.032	1.874.636.767	1.874.636.767
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải Tân Hưng Phúc	1.645.002.826	1.645.002.826	1.780.277.374	1.780.277.374
- CN Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn tại Bà Rịa Vũng Tàu	15.195.750	15.195.750	7.742.150	7.742.150
- CN Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Cảng Hiệp Phước	160.617.730	160.617.730	9.744.070	9.744.070
- Công ty CP Kỹ thuật TMDV Cảng Sài Gòn	143.354.726	143.354.726	76.873.173	76.873.173

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN XÉP DỠ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN
Số 1 Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh

PHỤ LỤC 11: YẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	438.737.727	4.275.543.807	4.351.497.687	362.783.847
- Thuế thu nhập cá nhân	9.845.363	338.289.078	254.641.714	93.492.727
- Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	53.840.943	-	53.840.943
	448.583.090	4.671.673.828	4.610.139.401	510.117.517
	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	299.604.252	1.106.161.117	980.734.418	174.177.553
	299.604.252	1.106.161.117	980.734.418	174.177.553

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	215.428.206	462.100.158
- Kinh phí công đoàn	45.725.800	48.820.200
- Bảo hiểm xã hội	-	195.273.462
- Bảo hiểm y tế	-	48.725.050
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	17.269.400
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	169.702.406	152.012.046
+ <i>Phải trả cổ tức</i>	<i>81.544.000</i>	<i>143.294.000</i>
+ <i>Phải trả khác</i>	<i>88.158.406</i>	<i>8.718.046</i>
Dài hạn	32.670.000	32.670.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	32.670.000	32.670.000
	248.098.206	494.770.158

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. VỐN CHỦ SỞ HỮU

4.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2020	40.500.000.000	(609.600.000)	2.915.387.108	30.794.369.048	73.600.156.156
- Lãi trong năm	-	-	-	545.088.754	545.088.754
- Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	276.921.225	(4.920.124.287)	(4.643.203.062)
+ Phải trả cổ tức	-	-	-	(3.950.900.000)	(3.950.900.000)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(692.303.062)	(692.303.062)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	276.921.225	(276.921.225)	(276.921.225)
31/12/2020	40.500.000.000	(609.600.000)	3.192.308.333	26.419.333.515	69.502.041.848
01/01/2021	40.500.000.000	(609.600.000)	3.192.308.333	26.419.333.515	69.502.041.848
- Lãi trong năm	-	-	-	6.090.765.044	6.090.765.044
- Phân phối lợi nhuận năm 2020	-	-	21.803.550	(3.237.032.425)	(3.215.228.875)
+ Phải trả cổ tức	-	-	-	(3.160.720.000)	(3.160.720.000)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(54.508.875)	(54.508.875)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	21.803.550	(21.803.550)	(21.803.550)
31/12/2021	40.500.000.000	(609.600.000)	3.214.111.883	29.273.066.134	72.377.578.017

(*) Phân phối lợi nhuận trong năm theo Nghị quyết số 39/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/11/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

14.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	20.828.000.000	20.828.000.000
- Công ty Cổ phần Vật tư Nông Sản	2.025.000.000	2.025.000.000
- Các cổ đông khác	17.647.000.000	17.647.000.000
	40.500.000.000	40.500.000.000

14.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	40.500.000.000	40.500.000.000
+ Vốn góp đầu năm	40.500.000.000	40.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	40.500.000.000	40.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối	3.237.032.425	4.920.124.287

14.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2021	01/01/2021
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.050.000	4.050.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.050.000	4.050.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	99.100	99.100
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.950.900	3.950.900
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

14.5 CÁC QUỸ

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.214.111.883	3.192.308.333

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu	105.746.319.527	86.461.682.920
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	105.746.319.527	86.461.682.920
	105.746.319.527	86.461.682.920

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Hoạt động cung cấp dịch vụ	93.845.926.873	77.389.529.370
	93.845.926.873	77.389.529.370

17. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.703.352.160	2.047.528.547
Cổ tức, lợi nhuận được chia	145.000.000	200.000.000
	1.848.352.160	2.247.528.547

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	6.223.688.159	12.718.985.861
Chi phí nhân viên quản lý	6.793.931.932	5.797.132.411
Chi phí vật liệu quản lý	151.827.581	116.345.046
Chi phí khấu hao TSCĐ	303.857.580	423.956.592
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng	(3.240.772.703)	3.758.358.269
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.151.691.110	1.083.877.380
Chi phí bằng tiền khác	1.063.152.659	1.539.316.163

19. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thanh lý tài sản cố định sau khi trừ chi phí	-	2.045.415.805
Các khoản khác	5.240.215.217	2.727.273
	5.240.215.217	2.048.143.078

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Phạt vi phạm hành chính về thuế	144.853.231	-
Các khoản chi phí khác	5.423.492.480	1.121.556
	5.568.345.711	1.121.556

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.196.926.161	647.717.758
Các khoản chi phí không được khấu trừ	628.986.567	285.346.556
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	145.000.000	200.000.000
-Cổ tức được chia	145.000.000	200.000.000
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	191.166.670	-
- Năm 2019	67.833.334	-
- Năm 2020	123.333.336	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	7.872.079.398	733.064.314
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	1.574.415.880	146.612.863
Giảm 30% thuế theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP		43.983.859
Giảm 30% thuế theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP	468.254.763	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.106.161.117	102.629.004

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	31/12/2021	01/01/2021
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	6.090.765.044	545.088.754
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	-	54.508.875
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	3.950.900	3.950.900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP) (**)	1542	124

(*) Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 chưa có số liệu để trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021. Số liệu trích lập sẽ căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

(**) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2020 đã được điều chỉnh do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 39/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/11/2021.

Theo đó, chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2020 là 124 VND/CP (số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2020 trước điều chỉnh là 138 VND/CP).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

23. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu do đó Công ty không xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu.

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu	3.999.443.080	3.225.103.187
Chi phí nhân công	30.372.907.308	12.008.516.205
Khấu hao tài sản cố định (Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng	4.882.169.808 (3.240.772.703)	5.427.516.286 3.758.358.269
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.821.406.315	39.358.752.642
Chi phí bằng tiền khác	3.234.461.224	13.611.282.781
	100.069.615.032	77.389.529.370

25. THÔNG TIN KHÁC

25.1 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm 2021 như sau:

STT	Tên Công ty	Mối quan hệ
1	CN Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Cảng Tân Thuận	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
2	CN Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Cảng Tân Thuận 2	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
3	CN Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Cảng Hiệp Phước	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
4	CN Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - TT Dịch vụ Hàng Hải	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
5	CN Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - XN Lai đất tàu biển	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
6	Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải Cảng Sài Gòn	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
7	CN Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - CN Bà Rịa Vũng Tàu	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
8	Công ty CP DV Hàng Hải Tân Hưng Phúc	Công ty liên kết
9	Công ty CP Kỹ thuật TMDV Cảng Sài Gòn	Cùng Công ty mẹ
10	Công Ty TNHH KOREA EXPRESS Cảng Sài Gòn	Cùng Công ty mẹ
11	Công ty CP TMDV Vận tải Logistics Sài Gòn Bến Tre	Cùng Công ty mẹ
12	Công ty Cổ Phần Logistics Cảng Sài Gòn	Cùng Công ty mẹ
13	Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

25.1 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2021 VND</u>	<u>Năm 2020 VND</u>
Thù lao của Thành viên Hội đồng Quản trị		187.200.000	210.600.000
Ông Đào Quyết Tiến	Chủ tịch	37.800.000	43.200.000
Ông Lê Văn Hóa	Thành viên	34.200.000	37.800.000
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên	33.600.000	37.800.000
Ông Lê Minh Cường	Thành viên	33.600.000	37.800.000
Ông Phan Minh Trí	Thành viên	33.600.000	37.800.000
Ông Lê Đức Nghĩa	Thư ký HĐQT	14.400.000	16.200.000

Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2021 VND</u>	<u>Năm 2020 VND</u>
Thù lao của Thành viên Ban Kiểm soát		57.600.000	49.275.000
Ông Nguyễn Ngọc Tâm	Trưởng Ban	28.800.000	24.300.000
Ông Nguyễn Viết Thịnh	Thành viên	14.400.000	8.775.000
Ông Vũ Thành Trung	Thành viên	14.400.000	16.200.000

Thù lao của Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2021 VND</u>	<u>Năm 2020 VND</u>
Thù lao của Ban Tổng Giám đốc		1.345.200.000	1.014.197.457
Ông Phan Minh Trí	Tổng Giám đốc	387.600.000	291.512.849
Ông Phan Công Dân	Phó Tổng Giám đốc	319.200.000	240.950.777
Ông Trần Ngọc Út	Phó Tổng Giám đốc	319.200.000	240.783.054
Ông Trần Khánh Lâm	Phó Tổng Giám đốc	319.200.000	240.950.777
Thù lao của Kế toán trưởng		228.000.000	174.702.721
Bà Hồ Thị Thanh Thanh	Kế toán trưởng	228.000.000	174.702.721

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

25.1 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Bán hàng cho bên liên quan	71.370.965.023	61.473.340.284
- CN Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Cảng Tân Thuận	40.951.697.890	34.711.518.480
- CN Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Cảng Hiệp Phước	23.096.219.080	17.624.146.082
- CN Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - TT Dịch vụ Hàng Hải	70.172.546	99.888.092
- Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải Cảng Sài Gòn	289.998.228	64.034.500
- Công ty CP DV Hàng Hải Tân Hưng Phúc	38.181.816	43.636.361
- Công Ty TNHH KOREA EXPRESS Cảng Sài Gòn	6.881.608.613	8.904.898.269
- Công ty Cổ Phần Logistics Cảng Sài Gòn	43.086.850	25.218.500
	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Mua hàng từ các bên liên quan	13.044.216.832	14.656.110.319
- Công ty CP DV Hàng Hải Tân Hưng Phúc	10.262.939.210	12.347.483.350
- CN Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Cảng Tân Thuận	779.219.000	-
- CN Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Xí nghiệp Lai dắt tàu biển	-	43.800.000
- CN Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - TT Dịch vụ Hàng hải	179.270.000	405.405.000
- CN Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Cảng Hiệp Phước	617.286.350	463.449.900
- CN Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - CN Bà Rịa Vũng Tàu	99.528.000	93.472.500
- Công ty CP Kỹ thuật TMDV Cảng Sài Gòn	1.105.974.272	945.013.749
- Công ty CP TMDV Vận tải Logistics Sài Gòn Bến Tre	-	357.485.820

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

25.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.



Phan Minh Trí
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2022

Hồ Thị Thanh Thanh
Kế toán trưởng

Hồ Thị Thanh Thanh
Người lập